

## KẾ HOẠCH

### Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư - sản xuất - kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh Đồng Tháp năm 2019

Năm 2018, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Đồng Tháp đạt 70,19 điểm, đứng thứ 2 trên bảng xếp hạng của cả nước và nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt chất lượng điều hành kinh tế “rất tốt”. Để tiếp tục duy trì và cải thiện môi trường đầu tư - sản xuất - kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục nâng cao nhận thức và hành động của các ngành, các cấp thực hiện chủ trương xuyên suốt là “*Chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp*”; nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư; không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng điều hành nhằm mục đích cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh vì sự phát triển của doanh nghiệp và kinh tế - xã hội địa phương.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu điểm số PCI tỉnh Đồng Tháp năm 2019 đạt 72,70 điểm tăng 2,51 điểm so với năm 2018 và duy trì nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế “rất tốt” trên cả nước.

Các chỉ tiêu cụ thể theo phụ lục kèm theo kế hoạch. Trong đó, quan tâm cải thiện các Chỉ số thành phần như sau:

- Tập trung cải thiện điểm số của các Chỉ số thành phần **có trọng số cao**, ảnh hưởng trực tiếp đến tổng điểm số PCI như: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; Đào tạo lao động; Tính minh bạch; Chi phí không chính thức.

- Cải thiện điểm số, thứ hạng Chỉ số sụt giảm trong năm 2018, như: Gia nhập thị trường.

- Duy trì và cải thiện các chỉ số tăng điểm năm 2018 như: Chi phí thời gian; Tiếp cận đất đai; Cạnh tranh bình đẳng; Tính năng động; Thiết chế pháp lý.

#### II. YÊU CẦU

1. Người đứng đầu các Sở, ban, ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tiếp tục quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch này; chủ động đề xuất giải pháp

đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại đơn vị phụ trách, góp phần thực hiện Kế hoạch hành động số 72/KH-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ.

2. Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì làm đầu mối thực hiện việc cải thiện điểm số và thứ hạng từng Chỉ số thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

3. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì và cùng chịu trách nhiệm về các Chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực phụ trách.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Chỉ số “Chi phí gia nhập thị trường”**

Mục tiêu đạt từ 8,30 điểm trở lên (tăng 0,86 điểm trở lên so với năm 2018).

*a) Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám đốc Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công, Thủ trưởng các đơn vị liên quan:*

- Tiếp tục thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đầu tư so với quy định. Không đặt ra các khoản thu, điều kiện ràng buộc ngoài quy định.

- Chỉ đạo Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp và Khởi nghiệp tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đầu tư; tiếp tục hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp trực tuyến.

- Tiếp tục nghiên cứu đề xuất với Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công các thủ tục có thể tiếp nhận và trả kết quả thông qua bộ phận bưu chính công ích.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan nhanh chóng triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh các Sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2019, nhằm mục đích tạo sự cạnh tranh giúp nâng cao năng lực điều hành.

*b) Thủ trưởng các Sở, ngành Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:*

Chủ động giải quyết thủ tục hành chính chuyên ngành thuộc lĩnh vực phụ trách sau đăng ký thành lập doanh nghiệp để rút ngắn thời gian chính thức đi vào hoạt động cho doanh nghiệp, như: cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận về an ninh trật tự, hộ chiếu, thẻ tạm trú cho lao động nước ngoài, đánh giá tác động môi trường, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu, khí; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải,...

### **2. Chỉ số “Tiếp cận đất đai”**

Mục tiêu đạt từ 8,0 điểm trở lên (tăng 0,21 điểm so với năm 2018).

a) *Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:*

- Tiếp tục rà soát, đề xuất các giải pháp, quy trình nhằm rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp từ 30 ngày xuống còn 15 ngày (như kết quả đạt được vào năm 2017). Đồng thời, có biện pháp kiểm soát và khắc phục tình trạng nhũn nhĩu của công chức, viên chức trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai như: giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Kịp thời cung cấp thông tin về giá đất, giá đất tạm tính (kèm hệ số điều chỉnh); cập nhật, bổ sung kế hoạch sử dụng đất hàng năm để giới thiệu, thu hút đầu tư, đặc biệt là các lĩnh vực mang lại hiệu quả kinh tế cao, thu hút nhiều lao động, phù hợp với định hướng phát triển của Tỉnh.

b) *Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:*

- Chủ động rà soát quỹ đất công do nhà nước quản lý đang sử dụng chưa đúng mục đích hoặc không đạt hiệu quả cao; xây dựng phương án thu hồi và tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng; đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật và tôn trọng quyền lợi của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

c) *Giao Giám đốc Sở Công Thương phối hợp với các đơn vị liên quan:*

Phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai xây dựng đầu tư kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm tạo quỹ đất sạch cho doanh nghiệp có nhu cầu diện tích đất để triển khai dự án đầu tư hoặc xây dựng nhà xưởng để cho thuê.

### **3. Chỉ số “Tính minh bạch”**

Mục tiêu đạt từ 7,28 điểm trở lên (tăng 0,35 điểm so với năm 2018).

a) *Giao Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:*

- Công khai và kịp thời công bố thông tin về các quy hoạch đã được phê duyệt, kế hoạch sử dụng đất, danh mục dự án kêu gọi đầu tư; các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư; các thông tin về chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp,... trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng Thông tin điện tử Tỉnh và tại các Sở, ban, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để doanh nghiệp biết, phục vụ cho định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện nghiêm quy định của Luật Đấu thầu về công khai thông tin mời thầu; thực hiện việc đấu thầu qua mạng đạt tối thiểu 40% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh; 30% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc kịp thời cung cấp thông tin, trả lời kiến nghị của doanh nghiệp và người dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, phòng chống tham nhũng để hạn chế tối đa tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng “mối quan hệ” trong hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện, đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, hình thức và khả năng tương tác của Cổng Thông tin điện tử Tỉnh, trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

*b) Đề nghị các Hiệp hội, Câu lạc bộ, Hội quán doanh nghiệp:*

Tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò “cầu nối” giữa doanh nghiệp với chính quyền; tích cực tham gia phản biện chính sách của nhà nước và địa phương để bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh.

#### **4. Chỉ số “Chi phí thời gian”**

Mục tiêu đạt từ 9,0 điểm trở lên (tăng 0,10 điểm trở lên so với năm 2018).

*a) Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh:*

Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh tiếp tục rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định, thủ tục hành chính không còn phù hợp, gây phiền hà, làm lãng phí thời gian và tăng chi phí của doanh nghiệp.

*b) Giao Giám đốc Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công:*

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công thông qua việc công khai thông tin, kịp thời, đầy đủ, rõ ràng các quy định, thủ tục hành chính (quy trình, các mẫu biểu,...), mức phí, lệ phí (nếu có) và thời gian giải quyết các loại thủ tục; kiểm tra, giám sát việc hướng dẫn, giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, đảm bảo chất lượng, tiến độ và thời hạn trả kết quả đúng hoặc sớm hơn quy định.

*c) Giao Chánh Thanh tra Tỉnh:*

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan, đơn vị đảm bảo không trùng lặp về nội dung; mỗi doanh nghiệp chỉ thanh tra, kiểm tra không quá 01 lần trong năm; công khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra cho tổ chức, cá nhân biết (trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất).

*d) Đề nghị Cục trưởng Cục Thuế Tỉnh:*

Nghiên cứu cải tiến quy trình, thủ tục nhằm rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp khi phải làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế; có biện pháp ngăn ngừa không để xảy ra tình trạng nhũng nhiễu, thông đồng, thương lượng với doanh nghiệp trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

*đ) Giao Thủ trưởng các Sở, ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:*

Tăng cường sự phối hợp trong việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; có cơ chế kiểm soát, ngăn ngừa cán bộ, công chức lợi dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây bức xúc cho doanh nghiệp.

### **5. Chỉ số “Chi phí không chính thức”.**

Mục tiêu đạt từ 7,80 điểm trở lên (tăng 0,38 điểm so với năm 2018).

*Giao Thủ trưởng các Sở, ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đơn đốc, nhắc nhở, thực hiện các nội dung chính sau:*

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác tham mưu, đề xuất thuộc lĩnh vực phụ trách hạn chế sự chồng chéo, đùn đẩy, tạo cơ hội hình thành các tiêu cực, nhũng nhiễu.

- Thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nhiệm vụ được giao gây khó khăn cho doanh nghiệp; chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là những người trực tiếp giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp.

- Rà soát lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức kịp thời phát hiện và thay thế những người kém phẩm chất, yếu năng lực, có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác phòng và chống tham nhũng; kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước, tăng cường kỷ luật kỷ cương, nâng cao đạo đức công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thật sự trong sạch, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công tác.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công Tỉnh; duy trì triển khai các dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 và 4 liên quan đến doanh nghiệp.

### **6. Chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng”**

Mục tiêu đạt từ 8,0 điểm trở lên (tăng 0,13 điểm so với năm 2018).

*a) Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh:*

Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; công khai, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, cơ chế chính sách, thủ tục hành chính về đất đai, tín dụng, khai thác tài nguyên, thuế, ưu đãi đầu tư,... nhằm tạo môi trường cạnh tranh công bằng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

*b) Giao Thủ trưởng các Sở, ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công:*

Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng “mối quan hệ” để có được những ưu đãi đặc biệt, chính sách riêng (như: hợp đồng kinh tế; khai thác tài nguyên; đấu thầu, chỉ định thầu; giao, cho thuê đất đầu tư, sản xuất kinh doanh,...).

## **7. Chỉ số “Tính năng động”**

Mục tiêu đạt từ 8,0 điểm trở lên (tăng 0,19 điểm trở lên so với năm 2018).

*Giao Thủ trưởng các Sở, ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quán triệt, thực hiện các nhiệm vụ sau:*

- Chủ động giải quyết công việc theo thẩm quyền; không đùn đẩy trách nhiệm. Phát huy tính năng động, sáng tạo của lãnh đạo các cấp trong thực thi các chính sách pháp luật nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.

- Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tháo gỡ khó khăn, tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh; đảm bảo sự nhất quán trong thực hiện chủ trương, chính sách từ tỉnh đến cơ sở cho doanh nghiệp.

- Chủ động phối hợp với các ngành, các cấp trong việc giải quyết các yêu cầu, đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp; đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tạo lập môi trường đầu tư “minh bạch, thông thoáng, năng động, thân thiện”.

- Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương “*đồng hành cùng doanh nghiệp*”; tăng cường tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp qua nhiều kênh giao tiếp, nhằm lắng nghe ý kiến đề xuất, kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả.

## **8. Chỉ số “Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp”**

Mục tiêu đạt từ 6,87 điểm trở lên (tăng 0,10 điểm trở lên so với năm 2018).

*a) Giao Giám đốc Sở Công Thương:*

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình xúc tiến kêu gọi đầu tư, quảng bá, giới thiệu các dự án tiềm năng vào các khu, cụm công nghiệp đã triển khai đầu tư kết cấu hạ tầng để đẩy nhanh tiến độ lấp đầy diện tích các khu, cụm công nghiệp.

- Tăng cường hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường; đẩy mạnh kết nối cung cầu để tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, nông sản; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiêu thụ hàng hoá của tỉnh.

- Triển khai các chương trình, đề án khuyến công hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng sức cạnh tranh sản phẩm.

- Phối hợp Cục Quản lý thị trường tăng cường các hoạt động quản lý thị trường, chống gian lận thương mại và buôn lậu.

*b) Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:*

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm, có thế mạnh của tỉnh.

- Rà soát, thống kê doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp; đề xuất các giải pháp, chính sách hỗ trợ thúc đẩy khối doanh nghiệp này phát triển.

- Tiếp tục phát huy vai trò của Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp và Khởi nghiệp, triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân.

*c) Giao Giám đốc Sở Tư pháp:*

Tiếp tục tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như: tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật về các Hiệp định mà Việt Nam đã ký kết, giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật; xem xét thành lập chuyên mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Sở; thực hiện việc cung cấp thông tin và hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp; đồng thời, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ dịch vụ pháp lý.

*d) Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ:*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác hỗ trợ cung cấp thông tin, kiến thức về khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đến các doanh nghiệp.

## **9. Chỉ số “Đào tạo lao động”**

Mục tiêu đạt từ 6,0 điểm trở lên (tăng 0,14 điểm trở lên so với năm 2018).

*a) Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố và các đơn vị liên quan:*

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề; xây dựng nội dung, chương trình đào tạo phù hợp nhằm nâng cao kỹ năng, tay nghề cho người lao động, đáp ứng được yêu cầu thực tế sản xuất của doanh nghiệp; giúp gián tiếp giảm chi phí đào tạo lại lao động của doanh nghiệp.

- Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ đào tạo nghề, cung ứng lao động, giới thiệu việc làm, gắn với việc kiểm tra chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Thực hiện tốt công tác dự báo, định hướng phát triển các ngành nghề trọng điểm, ưu tiên và gắn kết giữa đào tạo nghề với kế hoạch phát triển kinh tế địa phương, các ngành nghề có nhu cầu sử dụng lao động chất lượng cao của Tỉnh để huy động nguồn lực, đầu tư tập trung. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chuyên cung ứng lao động phổ thông và lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp có nhu cầu.

- Nâng tần suất và chất lượng các phiên giao dịch việc làm, đa dạng hóa hình thức tổ chức, vận động sự tham gia của các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề và thu hút nhiều đối tượng lao động tham gia, giúp giảm chi phí tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

- Phối hợp với Trường Cao đẳng Cộng đồng tăng cường nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp, phối hợp mở các lớp về quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính, công nghệ thông tin... đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

*b) Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo:*

- Chủ trì, phối hợp với Trường Đại học Đồng Tháp, các Trường Cao đẳng chuyên nghiệp trên địa bàn, nghiên cứu đề ra giải pháp cụ thể trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, định hướng đào tạo để từng bước cải thiện nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu doanh nghiệp.

- Có giải pháp cụ thể để tiếp tục duy trì và cải thiện chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn Tỉnh; phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc định hướng nghề nghiệp ở bậc phổ thông.

**10. Chỉ số “Thiết chế pháp lý”**

Mục tiêu đạt từ 7,80 điểm trở lên (tăng 0,30 điểm trở lên so với năm 2018).

*a) Giao Giám đốc Sở Tư pháp:*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đa dạng hoá hình thức phổ biến kiến thức về chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước cho cộng đồng doanh nghiệp; nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật của Người đại diện pháp luật doanh nghiệp để chủ động bảo vệ quyền lợi của mình.

- Tạo điều kiện cho các Đoàn Luật sư, các tổ chức tư vấn pháp lý trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đồng thời, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho doanh nghiệp; khuyến khích các đoàn thể, Hiệp hội, tổ chức tham gia và đa dạng hoá các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

*b) Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân Tỉnh:*

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, phán quyết công bằng, đúng pháp luật để cộng đồng doanh nghiệp tin tưởng, tôn trọng sự bảo vệ của pháp luật.

- Có biện pháp kiểm soát, khắc phục tình trạng doanh nghiệp sử dụng các khoản chi phí không chính thức khi quyết định chọn cơ quan Tòa án làm cơ quan giải quyết tranh chấp.

*c) Đề nghị Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tỉnh:*

Tổ chức công tác thi hành án có hiệu quả đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Trong đó, ưu tiên nguồn lực cho việc tổ chức thi hành án liên quan đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng, ngân hàng, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

*d) Giao Giám đốc Công an Tỉnh:*

Tăng cường công tác phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trên địa bàn; tạo môi trường an ninh, an toàn, lành mạnh; không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự để doanh nghiệp an tâm sản xuất, kinh doanh và đầu tư.



#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố căn cứ nội dung kế hoạch này, xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương để duy trì và cải thiện các Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh (PCI) theo nhiệm vụ được phân công; cuối năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân Tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp, chậm nhất **trước ngày 15/11/2019**.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc phải kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân Tỉnh để hướng dẫn, tổng hợp và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. / *lcm*

##### **Nơi nhận:**

- VP. Chính phủ (b/c);
- Bộ KH&ĐT (b/c);
- Phòng TM&CN VN (VCCI);
- TT/Tỉnh ủy; TT/HĐND Tỉnh;
- CT và các PCT UBND Tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành Tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- TT. KSTTHC&PVHCC;
- Các Hiệp hội, CLB, Hội quán DN;
- Báo ĐT, Đài PTTH ĐT, Công TTĐT.T;
- Lãnh đạo VP. UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, ĐN(MTN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Nguyễn Văn Dương*  
Nguyễn Văn Dương





**Phụ lục**  
(Ban hành kèm Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

### 1. Gia nhập thị trường

TT	Chỉ tiêu	2018	KH 2019	Phụ trách
1	Thời gian ĐKDN - số ngày (giá trị trung vị)	3	2	Sở KH&ĐT
2	Thời gian thay đổi nội dung ĐKDN - số ngày (trung vị)	3	2	
3	% DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động	13	5	Các Sở, ngành Tỉnh, UBND cấp huyện
4	% DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động.	3	2	
5	Tỉ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TT.HCC, bưu điện (%))	36	40	Sở KH&ĐT
6	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai (% đồng ý)	68	100	
7	Thủ tục ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%)	88	95	
8	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn (%)	62	80	
9	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện (%)	76	90	
10	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)	18	70	
	<b>Giá trị</b>	<b>7,44</b>	<b>8,30</b>	

### 2. Tiếp cận đất đai

TT	Chỉ tiêu	2018	KH 2019	Phụ trách
1	Tỉ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (%)	55	71	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện
2	Số ngày chờ đợi để được cấp Giấy CNQSDĐ (trung vị)	30	15	
3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp)	1,53	2,5	
4	DN không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% đồng ý)	57	60	
5	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	13	10	
6	Giải phóng mặt bằng chậm (%)	10	8	
7	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng (%)	27	20	
8	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn/nhiều khả năng)	39	50	
9	Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (% đồng ý)	86	90	
10	% DN thực hiện thủ tục hành chính đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn	42	50	

11	Không có Giấy CNQSDĐ do ngại TTHC rườm rà/cán bộ nhúng nhiều (%)	2	2	
<b>Giá trị</b>		<b>7,79</b>	<b>8,00</b>	

### 3. Tính minh bạch

TT	Chỉ tiêu	2018	KH 2019	Phụ trách
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1 = Không thể; 5 = Rất dễ)	2,51	2,53	Các Sở, ngành Tỉnh, UBND cấp huyện
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1 = Không thể; 5 = Rất dễ)	3,11	3,23	
3	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (% Đồng ý).	83	90	Sở Tài chính
4	Thông tin mời thầu được công khai (%)	74	100	Các Sở, ngành Tỉnh và các Chủ đầu tư
5	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị cơ quan nhà nước của tỉnh cung cấp (%)	69	90	Các Sở, ngành Tỉnh, UBND cấp huyện
6	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị)	3,25	3	
7	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng).	64	40	
8	"Thỏa thuận" khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế là công việc quan trọng (%)	34	30	Cục Thuế
9	Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với quy định pháp luật của TW (% chắc chắn)	6	10	Các Sở, ngành, UBND cấp huyện
10	Vai trò của các Hiệp hội – Câu lạc bộ doanh nghiệp địa phương trong xây dựng và phản biện chính, quy định của Tỉnh (% quan trọng hoặc vô cùng quan trọng).	67	80	Hiệp hội – CLB doanh nghiệp;
11	Điểm số độ mở và chất lượng trang web của tỉnh.	37,75	45	VP. UBND Tỉnh; Sở Thông tin và truyền thông
12	% DN truy cập vào website của UBND	65	79	
<b>Giá trị</b>		<b>6,93</b>	<b>7,28</b>	

### 4. Chi phí thời gian

TT	Chỉ tiêu	2018	KH 2019	Phụ trách
1	% DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước	32	30	Các Sở, ngành Tỉnh, UBND cấp huyện
2	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	90	95	
3	Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	92	95	
4	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	73	75	
5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	68	76	
6	Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	97	100	

7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (%)	78	83	
8	Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm (%)	1	1	
9	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	9	5	
10	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	4	4	Cục Thuế
11	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN (%)	6	4	Các Sở, ngành Tỉnh, UBND cấp huyện
	<b>Giá trị</b>	<b>8,90</b>	<b>9,00</b>	

### 5. Chi phí không chính thức

TT	Chỉ tiêu	2018	KH 2019	Phụ trách
1	Các doanh nghiệp cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% đồng ý/hoàn toàn đồng ý)	41	35	Các Sở, ngành Tỉnh, UBND cấp huyện
2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% thường xuyên/luôn luôn)	46	38	
3	Hiện tượng những nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	38	30	
4	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	87	90	
5	Tỉ lệ DN có chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	20	15	
6	% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	5	4	
7	Tỉ lệ DN có chi trả chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC đắt đại (%)	21	15	
8	Chi trả chi phí không chính thức là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% đồng ý)	33	20	
9	DN lo ngại tình trạng “chạy án” là phổ biến (%)	23	20	
	<b>Giá trị</b>	<b>7,42</b>	<b>7,80</b>	

### 6. Cạnh tranh bình đẳng

TT	Chỉ tiêu	2018	KH 2019	Phụ trách
1	Việc tinh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN (% đồng ý)	23	20	VP. UBND Tỉnh Các Sở, ngành Tỉnh, UBND cấp huyện
2	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% đồng ý)	17	15	
3	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% đồng ý)	14	13	
4	DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% đồng ý)	6	5	
5	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% đồng ý).	14	12	

6	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý).	14	12	
7	DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý).	36	30	
8	Tình ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực TN (% đồng ý).	25	20	
9	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% đồng ý).	15	10	
10	DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN (% Đồng ý).	13	10	
11	DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý).	14	10	
12	DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn (% Đồng ý).	15	10	
13	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen cán bộ chính quyền.	52	45	
14	Ưu đãi DN lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý).	47	40	
	<b>Giá trị</b>	<b>7,87</b>	<b>8,00</b>	

## 7. Tính năng động và sáng tạo

TT	Chỉ tiêu	2018	KH KH 2019	Phụ trách
1	UBND Tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các DNTN (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	89	90	Lãnh đạo UBND Tỉnh; Lãnh đạo các Sở, ngành Tỉnh; Lãnh đạo UBND cấp huyện.
2	UBND Tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	79	90	
3	Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực)	63	70	
4	Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	68	40	
5	Lãnh đạo Tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	56	40	
6	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản TW: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% lựa chọn).	21	18	
8	Vướng mắc của DN được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại DN (%)	86	91	
9	DN nhận được phản hồi của Cơ quan nhà nước Tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc (%)	100	100	
10	Tỉ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của Cơ quan nhà nước Tỉnh (%)	85	90	
	<b>Giá trị</b>	<b>7,81</b>	<b>8,00</b>	

## 8. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

TT	Chỉ tiêu	2018	KH 2019	Phụ trách
1	Số hội chợ Thương mại do Tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức (Bộ Công Thương)	10	10	Sở Công Thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp; Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư; Ban Quản lý Khu kinh tế.
2	Tỉ lệ số nhà cung cấp Dịch vụ/tổng số doanh nghiệp	0,68	0,70	
3	Tỉ lệ nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài/tổng nhà cung cấp dịch vụ (%)	74	75	
4	DN đã từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	51	65	
5	DN đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	61	65	
6	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	72	75	
7	DN đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (%)	53	66	
8	DN đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho việc tư vấn về pháp luật (%)	56	60	
9	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật (%)	78	80	
10	DN đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	32	46	
11	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	63	65	
12	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh (%)	88	100	
13	DN đã từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	57	80	
14	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%)	31	45	
15	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM (%)	81	85	
16	DN đã từng sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	60	72	
17	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	78	80	
18	DN có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp trên cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%)	67	70	
19	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	44	63	
20	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	82	84	
21	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính (%)	82	85	
22	DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	44	47	
23	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	88	90	
24	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (%)	88	90	
	<b>Giá trị</b>	<b>6,77</b>	<b>6,87</b>	

## 9. Đào tạo lao động

TT	Chỉ tiêu	2018	KH 2019	Phụ trách
1	Dịch vụ do các cơ quan nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt)	80	85	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp huyện; Trường Cao đẳng công đồng; Trường Cao đẳng nghề
2	Dịch vụ do các cơ quan nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề (% Tốt hoặc Rất tốt)	62	70	
3	DN đã từng sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	71	73	
4	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	59	61	
5	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	59	69	
6	% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động	5,66	5,47	
7	% tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động	5,67	5,47	
8	Mức độ hài lòng với lao động (% đồng ý rằng lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN)	95	95	
9	Tỉ lệ người lao động tốt nghiệp trường Đào tạo nghề/số lao động chưa qua đào tạo (%) (Bộ LĐTBXH)	2	4	
10	Tỉ lệ lao động tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đào tạo nghề ngắn và dài hạn trên tổng số lao động (%) (Bộ LĐTBXH)	4	5	
11	% số lao động của DN đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề (%)	42	43	
	<b>Giá trị</b>	<b>5,86</b>	<b>6,00</b>	

## 10. Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự

TT	Chỉ tiêu	2018	KH 2019	Phụ trách
1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	88	90	Sở Tư pháp; Công an Tỉnh; Ngành Tòa án; Ngành Thi hành án
2	DN tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	52	90	
3	Lãnh đạo Tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN (%)	57	100	
4	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (% có)	42	50	
5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật (%)	91	100	
6	Phán quyết của Tòa án là công bằng (%)	85	95	
7	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	75	80	
8	Phán quyết của Tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	79	85	
9	Các cơ quan trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	88	90	



10	Các chi phí chính thức và chi phí không chính thức là chấp nhận được khi giải quyết tranh chấp qua Tòa án (%)	89	91
11	Số lượng vụ việc tranh chấp của DN tư dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN (TATC)	2,52	2,52
12	Tỉ lệ % nguyên đơn ngoài Quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế Tỉnh	93	93
13	Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm (TATC)	63	86
14	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	66	90
15	Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	18	10
16	Cơ quan công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản (%)	68	75
17	Phải trả tiền “bảo kê” cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	0	0
	<b>Giá trị</b>	<b>7,50</b>	<b>7,90</b>

